

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG THỜI GIAN RỖI CỦA NGƯỜI DÂN NÔNG THÔN ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ (Nghiên cứu trường hợp xã Trịnh Xá - huyện Bình Lục - tỉnh Hà Nam)

NGUYỄN TUẤN MINH*

Hoạt động sử dụng thời gian rỗi là tâm điểm để nhìn nhận lối sống, là thước đo sự giàu có của con người cả về vật chất và tinh thần. Trong quá trình làm việc con người đều cần đến sự nghỉ ngơi nhưng người ta không thể chỉ nghỉ ngơi bằng cách thoả mãn những nhu cầu sinh học hữu hạn mà còn phải là những nhu cầu văn hoá, thẩm mỹ, đạo đức, tâm linh. Con người sử dụng thời gian này cho những gì mà đối với cá nhân họ là quan trọng và đây còn là hoạt động tự thể hiện mình.

Nông thôn Việt Nam hiện nay khác rất nhiều so với trước kia, kinh tế thị trường, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đời sống của người dân từng bước được nâng lên, bên cạnh đó con người cũng bận rộn hơn, lao động căng thẳng hơn và dường như nhu cầu vui chơi, giải trí cũng tăng lên nhằm giải tỏa những mệt mỏi tinh thần, lập lại trạng thái cân bằng để tái sản xuất sức lao động đáp ứng nhu cầu mới của thực tiễn.

Việc sử dụng thời gian rỗi ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ hiện nay như thế nào? Những yếu tố gì ảnh hưởng đến nó? Đây là những câu hỏi cần được trả lời để chúng ta có cái nhìn toàn diện về chân dung xã hội của người dân nông thôn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay. Bài viết này dựa trên kết quả khảo sát của Dự án “*Gia đình nông thôn Việt Nam trong chuyển đổi*”, được tiến hành tại xã Trịnh Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, năm 2008.

1. Việc lựa chọn và mức độ của các hoạt động trong thời gian rỗi

Theo tác giả Chu Khắc trong bài viết “Vấn đề quỹ thời gian trong sinh hoạt gia đình hàng ngày”¹, các nhà xã hội học đã chia quỹ thời gian ra làm ba bộ phận:

1. Thời gian lao động sản xuất là thời gian người lao động dành cho hoạt động sản xuất và công tác ở cơ quan, xí nghiệp, nhà máy... ;

2. Thời gian ngoài sản xuất hoặc thời gian sinh hoạt cần thiết là thời gian thực hiện những công việc bức thiết và thỏa đáng cho các nhu cầu sống (nhiều tác giả gọi thời gian này là thời gian tự do);

3. Thời gian rỗi là lúc con người được thảnh thơi hoàn toàn và tùy thích cá nhân mà lựa chọn hình thức tự thể hiện².

* *Ths, Viện Xã hội học*

¹ Tạp chí Xã hội học số 3,4 năm 1988

² Nhiều tác giả lại chia quỹ thời gian thành thời gian làm việc (hay sản xuất) và thời gian ngoài giờ làm việc (trong đó có thời gian tự do bao gồm các công việc thoả mãn các nhu cầu sống và thực hiện nghĩa vụ xã hội quan trọng và thời gian rỗi). V.Petrushev trong cuốn *Thời gian với tư cách là một phạm trù kinh tế* lại chia

Trong bài viết này, thời gian rỗi được hiểu là *thời gian con người thoát khỏi công việc kiếm sống và tự do lựa chọn các hình thức thể hiện*.

Các hoạt động trong 12 tháng qua của người dân nông thôn được tìm hiểu với 4 mức độ tham gia: thường xuyên, thỉnh thoảng, hiếm khi và chưa bao giờ. Kết quả khảo sát cho thấy:

Bảng 1: Mức độ tham gia các hoạt động trong 12 tháng qua

Mức độ Tham gia	Các hoạt động (%)									
	Đọc sách/báo	Xem tivi	Nghe đài	Nói chuyện với bạn bè/hàng xóm	Đi ăn uống với bạn bè	Chơi cờ/bài	Chơi thể thao	Xem phim/kịch/ca nhạc/karaoke	Đi lễ đền/chùa/nhà thờ	Đi chơi xa
Thường xuyên	7.6	92.7	14.3	63.2	2.0	.0	2.0	.0	9.6	.3
Thỉnh thoảng	14.6	5.0	12.7	31.5	16.2	4.0	3.3	2.6	23.8	9.6
Hiếm khi	43.0	2.0	28.0	5.0	37.1	10.6	8.3	16.2	29.1	36.1
Chưa bao giờ	34.8	.3	45.0	.3	44.7	85.4	86.4	81.1	37.4	54.0
Tổng (N)	302	302	300	302	302	302	302	302	302	302

Xem ti vi và Nói chuyện với bạn bè/hàng xóm là hai hoạt động được người dân nông thôn lựa chọn nhiều nhất và mức độ tham gia thường xuyên cũng cao nhất với tỉ lệ 92,7% và 63,2%. Tiếp đến là nghe đài 14,3%, đi đền/chùa/nhà thờ 9,6% và đọc sách/báo 7,6%, còn lại chiếm tỉ lệ rất thấp ở mức độ thường xuyên là đi ăn uống với bạn bè và chơi thể thao cùng là 2,0%, đi chơi xa 0,3%, không có ai thường xuyên chơi cờ/bài và xem phim/kịch/ca nhạc/hát karaoke (Bảng 1).

Các kết quả phỏng vấn sâu cũng cho thấy rằng đa phần các hoạt động trong thời gian rỗi của người dân nông thôn hiện nay thường trong phạm vi của thôn, xã và dựa trên tính có sẵn cùng khả năng lựa chọn, các hoạt động thường xuyên chỉ là xem tivi và nói chuyện với bạn bè, hàng xóm.

“Thời gian rảnh rỗi thì lấy bèo cho lợn gà ăn, nhà có 1 con bê, 1 con bò và 1 lợn xê. Rảnh rỗi nữa thì trông cháu hoặc xem tivi.... Chồng cô rảnh rỗi thì hay đi chơi với bạn bè, hàng xóm” (Nữ, 53 tuổi).

“Thời gian rảnh rỗi chỉ ngồi chơi hoặc đi ngó đồng ruộng ở nhà. Thỉnh thoảng ra đình thôn để họp, sang chơi nhà anh em, họ hàng, giải trí chỉ xem tivi chứ ở đây không có gì cả.... Các điểm giải trí của tư nhân như cà phê, các quán internet, karaoke...ở đây không có, đây là vùng sâu” (Nam, 46 tuổi).

Như vậy, có thể thấy ở Trịnh Xá đặc trưng của lối sống nông thôn thể hiện khá rõ, các quan hệ sơ cấp vẫn đóng vai trò chủ đạo trong hệ thống các quan hệ xã hội cơ bản, các hình thức hoạt động trong thời gian rỗi của người dân nông thôn còn nghèo nàn, chưa đa dạng và mang tính tích cực, chủ động. Nguyên nhân có lẽ do mức độ đô thị hóa ở Trịnh Xá là ở

thời gian thành bốn phần: 1 - thời gian trong sản xuất xã hội; 2 - thời gian lao động ở nhà và thỏa mãn các nhu cầu sinh hoạt; 3 - thời gian để thỏa mãn các nhu cầu sinh lý tự nhiên; 4 - thời gian tự do. Nói chung, nhiều tác giả chia quỹ thời gian thành hai bộ phận: sản xuất và không sản xuất. Trong bộ phận thứ hai lại chia nhỏ thành: thời gian sinh hoạt tinh thần và thời gian rỗi. Chúng tôi quan niệm thời gian rỗi đang được tách riêng ra để nghiên cứu riêng biệt vì nó rất phong phú và đa dạng, thể hiện rõ nét lối sống của người lao động. Một số nhà xã hội học Liên Xô như A Andreeva, A.Niolaenko cũng chủ trương như vậy.

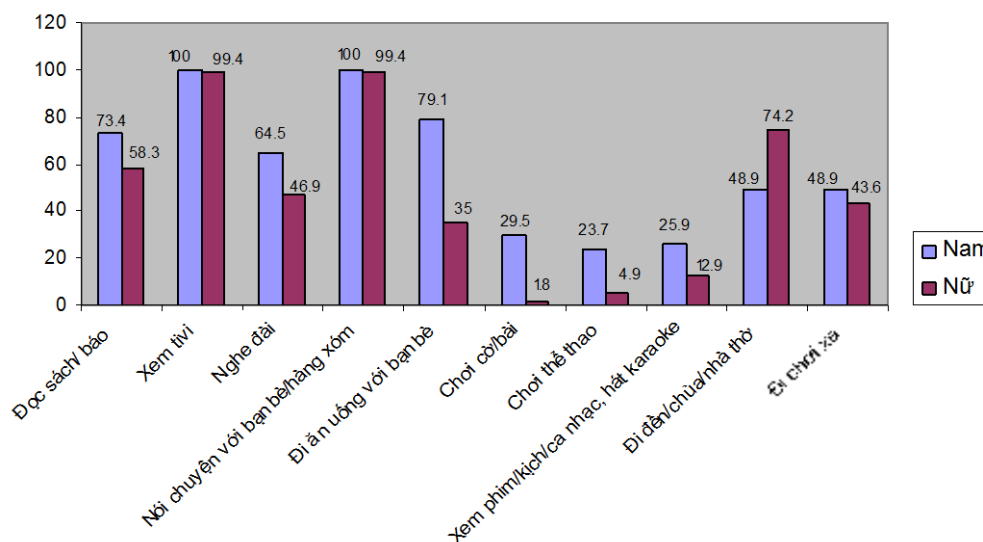
mức vừa phải và chưa chịu nhiều ảnh hưởng của lối sống đô thị.

2. Sự khác biệt trong sử dụng thời gian rỗi của người dân nông thôn

a) Giới tính

Hai hoạt động *xem tivi* và *nói chuyện với bạn bè, hàng xóm* là hai hoạt động mà đa phần người dân nông thôn lựa chọn, có thể nói là “không thể thiếu” trong thời gian rỗi ở nông thôn. Không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa nam và nữ trong hoạt động này, tỉ lệ nam giới xem tivi và nói chuyện với bạn bè/hàng xóm cùng là 100%, trong khi đó tỉ lệ này ở nữ giới cũng cùng là 99,4 % (Biểu 1). Kiểm định Khi- Bình phương¹ (Chi Square Test) đều cho trị số p -value = 0,355 (mức ý nghĩa thu được từ mẫu quan sát) lớn hơn 0,05, điều này chứng tỏ không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa nam và nữ trong việc lựa chọn hoạt động Xem tivi và Nói chuyện với bạn bè/hàng xóm trong thời gian rỗi, đa phần người dân nông thôn đều lựa chọn hai hoạt động này trong thời gian rỗi bất kể là nam hay nữ.

Biểu 1: Giới tính và các hoạt động trong thời gian rỗi (%)



Tuy không phổ biến như Xem tivi và Nói chuyện với bạn bè, hàng xóm nhưng *đọc sách báo, đi lễ đền/chùa/nhà thờ, nghe đài, đi ăn uống với bạn bè* cũng là những hoạt động được hơn nửa người dân nông thôn lựa chọn trong 12 tháng qua và có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa nam và nữ trong việc lựa chọn tham gia các hoạt động này. Tỉ lệ nam giới đọc sách/báo là 73,4% trong khi đó tỉ lệ này ở nữ là 58,3%, $p=0,003$. Tỉ lệ nam đi lễ đền/chùa/nhà thờ là 48,9% thấp hơn so với nữ giới là 74,2%, $p=0,000$. Tỉ lệ nam nghe đài là 64,5% trong khi đó tỉ lệ này ở nữ là 46,9%, $p=0,005$. Tỉ lệ nam đi ăn uống với bạn bè là 79,1% trong khi đó tỉ lệ này ở nữ là 35%, $p=0,000$. Như vậy, có thể nhận xét

¹ Kiểm định Khi- Bình phương (Chi Square Test) trong thống kê suy luận sử dụng để kiểm định tính độc lập (giả thuyết H_0) của hai biến số được quan tâm với mức ý nghĩa α nhất định (ở đây chúng tôi lấy mức ý nghĩa 5% tương đương $\alpha = 0,05$). Nếu kiểm định cho trị số p -value (mức ý nghĩa) của dữ liệu quan sát bằng hoặc nhỏ hơn α thì giả thuyết H_0 bị bác bỏ và nếu trị số p càng nhỏ thì bằng chứng chống lại giả thuyết H_0 do dữ liệu cung cấp lại càng lớn. Nói cách khác, nếu p -value $\leq \alpha$ thì ta sẽ kết luận rằng dữ liệu có ý nghĩa thống kê ở mức α . Ngược lại, nếu $p > \alpha$ thì giả thuyết H_0 về sự độc lập của hai biến được khẳng định. Tuy nhiên kiểm định Khi- Bình phương chỉ cho ta biết được giữa hai biến bất kỳ là có mối liên hệ phụ thuộc hay không mà chưa cho biết mức độ của mối liên hệ phụ thuộc ấy.

rằng nam giới có xu hướng đọc sách/báo, nghe đài, đi ăn uống với bạn bè nhiều hơn so với nữ giới. Còn nữ giới thì lại có xu hướng đi lễ đền/chùa/nhà thờ nhiều hơn so với nam giới.

Chơi cờ hay chơi bài, chơi thể thao, xem phim/ca nhạc/kịch/hát karaoke, đi chơi xa là những hoạt động mà ít người dân ở nông thôn lựa chọn trong 12 tháng qua. Ngoại trừ hoạt động đi chơi xa là không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa nam và nữ ($p=0,351$) còn lại những hoạt động khác đều có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa nam và nữ. Tỷ lệ nam có chơi cờ/bài là 29,5% trong khi đó tỷ lệ này ở nữ giới chỉ là 1,8%, $p=0,000$. Tương tự như vậy, tỷ lệ nam giới chơi thể thao là 23,7%, nữ là 4,9%, $p=0,000$. Tỷ lệ nam xem phim/ca nhạc/kịch/hát karaoke là 25,9%, nữ là 12,9%, $p=0,004$. Như vậy, có thể nhận xét rằng nam giới có xu hướng chơi cờ/bài, chơi thể thao, xem phim/ca nhạc/kịch/hát karaoke nhiều hơn so với nữ trong thời gian rỗi.

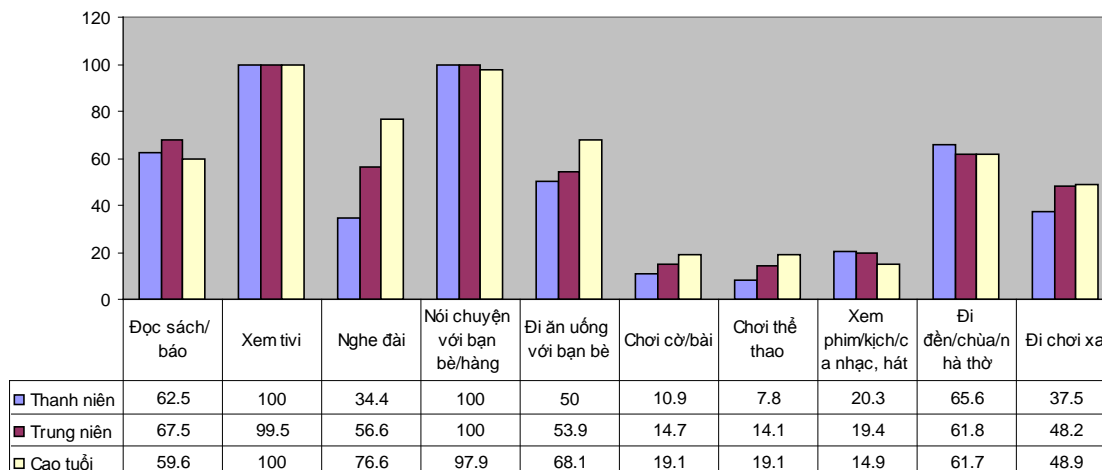
Các kết quả phỏng vấn sâu cũng cho thấy rằng, phụ nữ ít tham gia các hoạt động mang tính chất vui chơi, giải trí: *“Phụ nữ nói chung bận lắm, không làm ruộng thì đi đồng nát, nuôi trâu bò, lợn gà. Giải trí chỉ có xem tivi. Vừa rồi lâu lắm mới có 1 đợt được xem biểu diễn của đoàn Chất độc da cam: hát, ảo thuật, kịch. Từ bé đến lớn đây là lần đầu tiên được xem. Khuyến nghị nhà nước cho các đoàn văn hóa văn nghệ về nông thôn biểu diễn... Nói chung nam giới vẫn rảnh hơn so với nữ bởi vì những việc gia đình không phải làm. Biết là bây giờ bình đẳng nam nữ, nam phải giúp đỡ vợ làm các công việc nhà nhưng thực tế ở nông thôn ít lắm”* (Nữ, 33 tuổi).

Như vậy, có thể thấy, mặc dù bình đẳng nam nữ được đảm bảo bằng hệ thống pháp luật song trên thực tế định kiến giới ở nông thôn vẫn còn khá phổ biến, người phụ nữ vẫn phải đảm nhiệm rất nhiều các công việc từ đồng ruộng, chăn nuôi đến các công việc trong gia đình, cơ hội dành cho nghỉ ngơi và giải trí là rất ít so với người đàn ông.

b) Tuổi

Trong nghiên cứu này người được hỏi có độ tuổi từ 20 đến 60 được phân chia thành ba nhóm: Thanh niên (từ 20 đến 35); Trung niên (từ 36 đến 50); Cao tuổi (trên 50). Kết quả phân tích thống kê đã cho thấy, có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa biến số tuổi và hoạt động nghe đài. Tỷ lệ nghe đài trong 12 tháng qua tăng dần theo nhóm tuổi, thanh niên 34,4%; trung niên: 56,6%; cao tuổi: 76,6%, $p=0,000$. Như vậy, khẳng định xu hướng nhóm cao tuổi nghe đài trong thời gian rỗi nhiều hơn so với các nhóm thanh niên và trung niên.

Biểu 2: Nhóm tuổi và các hoạt động trong thời gian rỗi (%)



Ngoài mối liên hệ phụ thuộc có ý nghĩa thống kê giữa biến số tuổi và hoạt động nghe đài thì không có mối liên hệ phụ thuộc nào giữa biến số tuổi với việc lựa chọn các hoạt động khác: đọc sách/báo ($p=0,516$), xem tivi ($p=0,747$), nói chuyện với bạn bè/hàng xóm ($p=0,066$), đi ăn uống với bạn bè ($p=0,137$), chơi cờ/bài ($p=0,479$), chơi thể thao ($p=0,211$), xem phim/kịch/ca nhạc/hát karaoke ($p=0,739$), đi đền/chùa/nhà thờ ($p=0,852$), đi chơi xa ($p=0,303$) trong 12 tháng qua.

Việc lựa chọn hoạt động đi lễ đình/chùa/nhà thờ tuy không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa các nhóm tuổi nhưng mức độ của hoạt động này lại có sự khác biệt, nhiều ý kiến cho rằng người cao tuổi (phụ nữ thường đi lễ/sinh hoạt ở Chùa còn các cụ ông thì ở Đình) có mức độ đi lễ đền/chùa/nhà thờ nhiều hơn so với thanh niên (thanh niên chủ yếu đi vào các dịp đầu xuân hay các dịp lễ đặc biệt).

“Thanh niên đi chùa hay nhà thờ chủ yếu vào các dịp đầu xuân, các đôi trai gái. Trong năm chỉ có các cụ ông và cụ bà nhiều hơn chiếm khoảng 80%, trẻ vui nhà, già vui chùa mà” (Nam, 55 tuổi).

“Ngày thường người ta cũng hay đi tụng kinh còn ngày chủ nhật thì cha về giảng đạo. Đối tượng chủ yếu là trung trung tuổi và người già, chủ nhật có cả nam nữ thanh niên nhưng ít” (Nam, 38 tuổi).

Việc lựa chọn các hoạt động đánh cờ/bài, hay chơi thể thao trong thời gian rỗi cũng không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa các nhóm tuổi nhưng kết quả phỏng vấn sâu cho thấy, ở địa phương người cao tuổi tham gia các hoạt động này thường xuyên hơn so với thanh niên bởi do thanh niên bận đi làm hoặc di cư đi làm ăn xa.

“Thời gian rảnh tôi thường ở nhà phụ giúp gia đình hoặc chơi cầu lông, chơi cờ tại nhà văn hóa. Nhà văn hóa chủ yếu là các cụ hưu trí, nghỉ hưu. Thanh niên phải đi làm ăn xa nên ít vui chơi giải trí, chỉ có người cao tuổi không phải làm việc mới ra chơi” (Nam, 55 tuổi).

“Thanh niên nói chung phải đi làm ăn nên ít khi có thời gian giải trí... Các cụ chỉ có xem tivi, đến nhà hàng xóm hoặc chơi cờ tướng” (Nam, 34 tuổi).

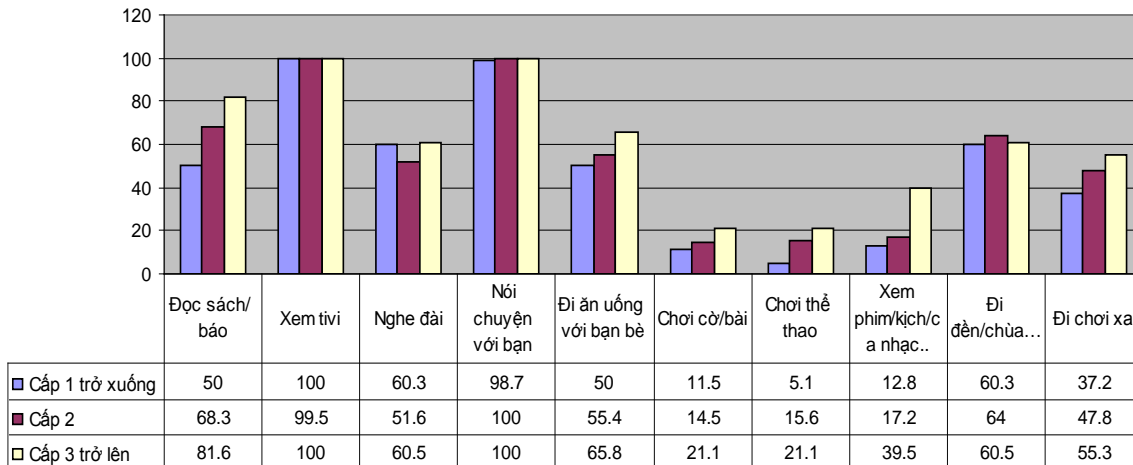
Như vậy có thể thấy, người cao tuổi nghe đài trong thời gian rỗi nhiều hơn so với

thanh niên và mức độ thường xuyên ở các hoạt động như đi lễ đền/chùa/nhà thờ, chơi cờ/bài, chơi thể thao cũng cao hơn so với thanh niên mặc dù sự lựa chọn các hoạt động này trong 12 tháng qua là không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê. Hiện tượng “làng vắng bóng thanh niên” có lẽ đang ngày càng phổ biến ở Trịnh Xá và ít nhiều nó sẽ ảnh hưởng đến các hoạt động, phong trào văn hóa chung của địa phương.

c) Trình độ học vấn

Có sự khác biệt giữa trình độ học vấn với các hoạt động đọc sách/ báo, chơi thể thao, xem phim/kịch/ca nhạc/hát karaoke. Tỷ lệ người dân đọc sách/báo tăng dần tỷ lệ thuận với trình độ học vấn của họ, Cấp I: 50%, Cấp II: 68,3%, Cấp III: 81,6%, p= 0,001. Tỷ lệ lựa chọn chơi thể thao cũng tăng dần tỷ lệ thuận với trình độ học vấn, Cấp I: 5,1%, Cấp II: 15,6%, Cấp III: 21,1%, p=0,027. Cũng tương tự, tỷ lệ lựa chọn xem phim/kịch/ca nhạc/hát karaoke cũng tăng dần tỷ lệ thuận với trình độ học vấn, Cấp I: 12,8%, Cấp II: 17,2%, Cấp III: 39,5%, p=0,002. Như vậy, có thể thấy xu hướng khác biệt là: những người có học vấn càng cao thì càng có xu hướng lựa chọn các hoạt động đọc sách/báo, chơi thể thao, xem phim/kịch/ca nhạc/hát karaoke trong thời gian rỗi nhiều hơn so với những người có trình độ học vấn thấp. Điều này phải chăng do nhóm có trình độ học vấn cao thì hiểu biết về sự cần thiết của các hoạt động vui chơi, giải trí cao hơn so với nhóm có chính độ học vấn thấp và do vậy họ tham gia vào các hoạt động này nhiều hơn.

Biểu 3: Trình độ học vấn và các hoạt động trong thời gian rỗi (%)



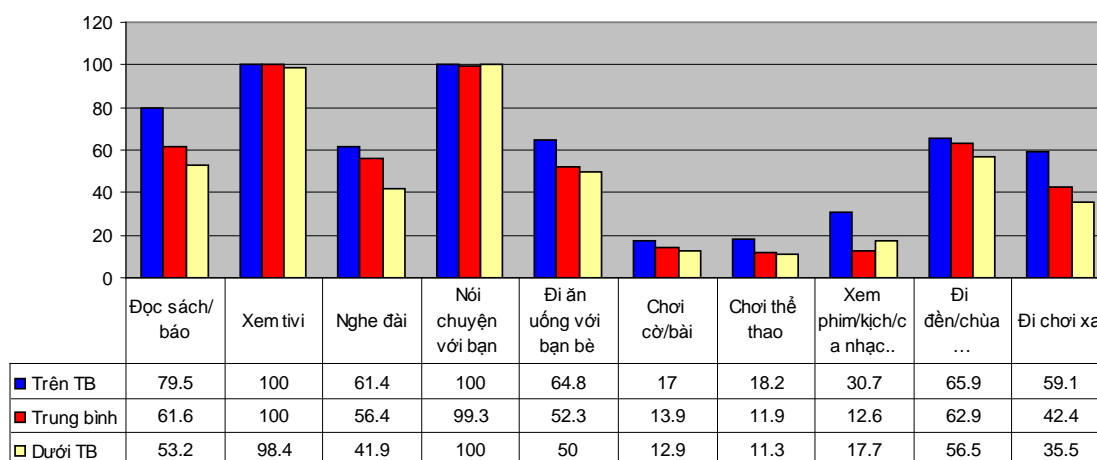
Không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa trình độ học vấn với hoạt động xem tivi (p= 0,731), nói chuyện với bạn bè/hàng xóm (p=0,237), nghe đài (p=0,336), đi ăn uống với bạn bè (p=0,276), chơi cờ/bài (p=0,395), đi đền/chùa/nhà thờ (p=0,817), đi chơi xa (p=0,135). Điều này chứng tỏ dù trình độ học vấn nào đi chăng nữa thì xem tivi, nói chuyện với bạn bè/hàng xóm cũng là những hoạt động được đa số người dân nông thôn lựa chọn trong thời gian rỗi. Tiếp đến là các hoạt động đi đền/chùa/nhà thờ, nghe đài. Các hoạt động đi ăn uống với bạn bè, đi chơi xa, chơi cờ/bài là những hoạt động ít được người dân nông thôn lựa chọn nhất.

d) Mức sống của gia đình

Mức sống ở đây là những điều kiện vật chất cần thiết để con người có thể tham gia

các hoạt động sống khác nhau. Trong nghiên cứu này, sau khi người được hỏi trả lời một số câu hỏi liên quan đến điều kiện sống của gia đình (kiểu loại nhà ở, diện tích, nhà vệ sinh, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, tổng thu nhập của gia đình,..) thì tự đánh giá mức sống kinh tế của hộ gia đình mình thuộc loại nào với 3 mức trên trung bình, trung bình và dưới trung bình. Trên cơ sở này mức sống được xem xét trong mối tương quan với các hoạt động trong 12 tháng qua của người dân nông thôn.

Biểu 4: Mức sống và các hoạt động trong thời gian rỗi (%)



Kết quả kiểm định thống kê đã cho thấy có mối liên hệ phụ thuộc giữa mức sống với các hoạt động: Đọc sách/báo ($p=0,002$), Nghe đài ($p=0,054$), Đi chơi xa ($p=0,008$), Đi xem phim/kịch/ca nhạc/hát karaoke ($p=0,003$). Nhìn vào biểu 4, tỉ lệ đọc sách/báo tăng dần tỉ lệ thuận với mức sống của gia đình, dưới trung bình: 53,2%, trung bình: 61,6%, trên trung bình: 79,5%. Tương tự như vậy, ở hoạt động nghe đài (41,9%; 56,4%; 61,4%), đi chơi xa (35,5%; 42,4%; 59,1%), xem phim/kịch/ ca nhạc/hát karaoke (17,7%; 12,6%; 30,7%). Như vậy, có thể khẳng định xu hướng, người có mức sống càng cao càng có xu hướng lựa chọn các hoạt động Đọc sách/báo, Nghe đài, Đi xem phim/kịch/ca nhạc/hát karaoke, Đi chơi xa trong thời gian rỗi của mình nhiều hơn so với những người có mức sống thấp. Điều này có vẻ hợp lý khi mà để tham gia những hoạt động trên không chỉ đòi hỏi có thời gian mà còn phải có những điều kiện kinh tế nhất định và do đó những gia đình có mức sống cao hơn thì tất nhiên sẽ có nhiều điều kiện hơn so với những gia đình có mức sống thấp.

Các hoạt động khác như xem ti vi, nói chuyện với bạn bè/hàng xóm, đi ăn uống với bạn bè, chơi cờ/bài, chơi thể thao, đi đền/chùa/nhà thờ không có mối quan hệ phụ thuộc với mức sống. Kiểm định thống kê Khi-bình phương cho trị số p lần lượt là: 0,145; 0,608; 0,109; 0,732; 0,331; 0,493. Tức là không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa các

nhóm có mức sống khác nhau với các hoạt động được đa số người dân thường xuyên lựa chọn như: xem tivi, nói chuyện với bạn bè/hàng xóm hay các hoạt động mà ít người dân lựa chọn như: đi đền/chùa/nhà thờ, đi ăn uống với bạn bè, chơi thể thao, chơi cờ/bài trong thời gian rỗi của mình. Điều này có thể giải thích bởi các hoạt động xem tivi, nói chuyện với bạn bè/hàng xóm, đi lễ đền/thờ/nhà thờ, chơi cờ/bài là những hoạt động mà yếu tố kinh tế không phải là yếu tố quyết định. Còn lại các hoạt động đi ăn uống với bạn bè, chơi thể thao, rõ ràng cần phải có những điều kiện kinh tế nhất định tuy nhiên những hoạt động này lại chỉ tập trung vào một số ít người và do vậy không mang ý nghĩa đại diện.

3. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng thời gian rỗi ở nông thôn

a) Điều kiện kinh tế

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, áp dụng khoa học kỹ thuật đưa các giống lúa có năng suất cao vào thâm canh giúp cho người dân nông thôn lao động đỡ vất vả hơn, năng suất lao động nâng cao, đời sống của người dân từng bước được cải thiện, người dân có nhiều thời gian rỗi hơn so với trước đây: *Hồi xưa làm nông nghiệp thủ công bây giờ máy hỗ trợ nhiều, máy tra đỗ tương - máy liên hoàn của xã trị giá 18 triệu, máy tuốt lúa, máy tra ống lúa mạ, máy gặt liên hoàn,... nên thời gian rảnh rỗi cũng nhiều hơn trước.* (Nam, 55 tuổi). Tuy nhiên, với đặc thù một xã thuần nông, không có làng nghề truyền thống, các ngành nghề phụ ít phát triển, nhìn chung đời sống và thu nhập của người dân Trịnh Xá vẫn còn ở mức thấp so với mặt bằng chung ở huyện Bình Lục - tỉnh Hà Nam. Có lẽ chính điều này mà khiến cho đối với nhiều người mục tiêu lao động, sản xuất mới là ưu tiên do đó thời gian lao động của họ tăng lên và như vậy đồng nghĩa với việc thời gian dành cho các hoạt động mang tính chất nghỉ ngơi, giải trí ít đi, không gian hoạt động trong thời gian rỗi cũng hạn hẹp, các hoạt động không đa dạng.

“Dân cư ở đây nói chung là kinh tế kém, phải tập trung vào làm ăn, nuôi con ăn học mà chỉ trông vào đồng ruộng cũng mệt. Người đàn ông thường phải đi làm thêm như làm mộc, thợ xây, cửi vạ,... phụ nữ thì ngoài đồng ruộng, trông nom nhà cửa, con cái thì còn đi chợ đồng nát, thêu ren,..” (Nữ, 32 tuổi);

“Rảnh rỗi thường làm các việc linh tinh để cho thu nhập trong gia đình tăng lên. Chăn nuôi lợn gà, ruộng nương ngoài đồng, thăm đồng xem lúa phát triển thế nào, chuốt bọ và sâu bệnh... Chơi bồi nhà anh em hoặc bạn bè để quan hệ công ăn việc làm, nói chuyện về cách làm ăn, chăn nuôi, trồng trọt” (Nam, 34 tuổi);

Lao động ở nông thôn nhìn chung là vất vả và chính điều đó đôi khi ảnh hưởng đến lối sống của người dân trong đó có việc sử dụng thời gian rỗi *“Cầu lông ngày mùa anh em không chơi vì phải giúp vợ con, với lại người ta làm đồng mà mình đi đánh cầu lông thì không hay”* (nam, 40 tuổi, cán bộ Tư pháp xã).

Tập trung ưu tiên các hoạt động lao động sản xuất, chứng tỏ người dân nông thôn hiện nay có tinh thần nỗ lực vươn lên trong cuộc sống, chăm chỉ, hăng say lao động. Tuy nhiên, cuộc sống chỉ là hoạt động tạo ra thu nhập sẽ là một nguy cơ làm mất sự phát triển cân bằng đối với mỗi cá nhân và khiến các hoạt động mang giá trị truyền thống ở nông thôn bị mai một hoặc gây ra sự coi thường giá trị của các hoạt động không có tính chất

kinh tế. Một ví dụ đơn giản như Tết trung thu ở nông thôn, đó là một nét văn hóa truyền thống thể hiện sự quan tâm của cộng đồng đối với trẻ em, việc tổ chức thường được giao cho Đoàn thanh niên, tuy nhiên hoạt động này đang ngày một “bớt vui” bởi thanh niên ở xã rất ít, đa phần di cư đi làm ăn xa hoặc bận rộn với công việc.

“Đạo này bỏ hết rồi, trung thu có thấy gì đâu bởi vì trước việc tổ chức trung thu thường là lớp trẻ nhưng bây giờ lớp trẻ đi làm xa hoặc lấy vợ chồng sớm nên không có ai phụ trách thiếu nhi. Cũng có phụ trách nhưng hội đó lại bé quá khoảng lớp 9-10 nên việc tổ chức khó (Nữ, 26 tuổi).

b) Các thiết chế văn hóa

Ở nông thôn các hoạt động trong thời gian rỗi của người dân thường diễn ra trong phạm vi của thôn, xã do vậy vai trò của các thiết chế văn hóa ở cơ sở có một ý nghĩa quan trọng *“Thời gian rảnh tôi thường ở nhà phụ giúp gia đình hoặc chơi cầu lông, chơi cờ tại nhà văn hóa. Nhà văn hóa chủ yếu là dành cho các cụ hưu trí, nghỉ hưu...”* (Nam, 55 tuổi). Tuy nhiên, nguồn kinh phí cho các hoạt động còn hạn chế, các thiết chế, cơ sở trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động văn hóa văn nghệ, hoạt động thể dục thể thao còn thiếu, do vậy chưa đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt, tập luyện của đông đảo nhân dân.

“Nhà văn hóa của thôn này không có, chỉ có đình làng một thời sân đình cũng được tận dụng để đánh cầu lông nhưng một thời gian sau lại không đánh nữa bởi vì đây không phải trụ sở của thôn, không chơi được đều đặn mỗi khi có việc ở đình như cúng lễ ngày rằm, ngày tết, đám tang, đám cưới.... Trưởng ban văn hóa thông tin xã phải đề xuất với đảng ủy, UBND có nguồn kinh phí trích ra cho hoạt động văn hóa và TDTT. Để mua trang thiết bị, có đội ngũ nhân sự, tuyên truyền cho nhân dân. Phải có các môn như bóng đá cho nam, bóng chuyền hơi cho nữ. Nhu cầu của nhân dân cũng thích nhưng ở xã chưa có ai đứng lên để làm việc đó (Nam, 55 tuổi).

Như vậy có thể thấy, vai trò của các thiết chế văn hóa ở nông thôn có một ý nghĩa rất quan trọng đối với đời sống văn hóa của người dân bởi nhu cầu sinh hoạt văn hóa của người dân tương đối cao. Việc nhà nước và nhân dân cùng làm để xây dựng các thiết chế văn hóa đang từng bước đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên cũng phải thấy rằng với điều kiện kinh tế như ở Trịnh Xá thì việc đầu tư hơn nữa của chính quyền cho các thiết chế văn hóa là một điều cần thiết.

c) Các hoạt động, phong trào văn hóa ở nông thôn

Nông thôn là chiếc nôi sản sinh, nuôi dưỡng và bảo vệ văn hóa truyền thống của dân tộc, các hoạt động văn hóa truyền thống này đã góp phần nâng cao đời sống tinh thần của người dân nông thôn. Tổ hát chèo và đội sư tử của thôn An Thư là một ví dụ, đây là 2 hoạt động được truyền từ đời này qua đời khác thu hút được một lực lượng đáng kể người dân tham gia và sinh hoạt đều đặn tại thôn trong thời gian rỗi.

“Đội chèo và múa sư tử của thôn là của các cụ hồi xưa cứ truyền từ đời này qua đời khác. Tổ chèo có 12 người và phụ họa có khoảng 15 người, hát chèo thường biểu diễn vào ngày 10/10 âm lịch hàng năm trong lễ tế Thành hoàng của đình, từ đêm 9 đến hết sáng 10/10. Đội sư tử của làng có 14 anh em, thường biểu diễn vào những dịp rằm tháng 8, mừng đảng mừng xuân ra quân, đại hội thể dục thể thao,... xã có việc gì cần thì thường

mời các đội này của thôn lên” (Nam, 55 tuổi).

Phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” mà cụ thể là phong trào xây dựng làng văn hóa được thực hiện khá hiệu quả ở Trịnh Xá, 7/8 thôn được công nhận là làng văn hóa, các thủ tục lạc hậu từng bước được xóa bỏ, đám cưới, đám tang trang trọng, gọn nhẹ, tiết kiệm, các hoạt động văn hóa văn nghệ thể dục thể thao được khơi dậy và tổ chức hàng năm đã góp phần cải thiện đời sống văn hóa tinh thần của người dân. “*Những ngày lễ lớn hoặc đầu xuân từ 7-1 đến rằm tháng riêng là tổ chức vui văn nghệ hoặc cầu lông, bóng chuyền, cờ tướng*” (Nam 55 tuổi).

Bên cạnh đó, với đặc thù là một xã có đến 7 ngôi chùa, 7 ngôi đình (trong đó 1 ngôi đình được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia) và 3 nhà thờ họ đạo đã không chỉ đáp ứng được nhu cầu tâm linh mà còn cả nhu cầu văn hóa tinh thần của người dân trong xã.

4. Kết luận và một vài nhận xét

Các hoạt động trong thời gian rỗi của người dân nông thôn chưa đa dạng và thời lượng dành cho các hoạt động này chưa nhiều. Các hoạt động phổ biến là xem tivi và nói chuyện với bạn bè, hàng xóm, tiếp đến là một số hoạt động không thường xuyên: như nghe đài, đọc sách báo, đi lễ chùa/nhà thờ...

Có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa các đặc điểm giới tính, tuổi, trình độ học vấn và mức sống gia đình với việc sử dụng thời gian rỗi.

Trong các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng thời gian rỗi ở nông thôn thì điều kiện kinh tế là một yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất, tiếp đến là các yếu tố như: việc phân công lao động trong gia đình, các thiết chế và các hoạt động, phong trào văn hóa ở địa phương.

Từ kết quả nghiên cứu trên có thể thấy, với đặc thù một xã thuần nông và mức độ đô thị hóa vừa phải, Trịnh Xá vẫn còn nhiều việc cần phải làm từ phát triển kinh tế đến việc xây dựng đời sống văn hóa nông thôn để đáp ứng nguyện vọng của người dân nông thôn trong thời đại mới. Một số việc cần phải tiếp tục và triển khai như:

Đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động phát triển kinh tế ở địa phương, đặc biệt quan tâm đến vấn đề việc làm của thanh niên bởi thực trạng “làng vắng thanh niên” đang có vẻ rất phổ biến tại Trịnh Xá.

Tuyên truyền và có những hoạt động tích cực hơn nữa để thực hiện việc bình đẳng giới ở địa phương nhất là trong các hoạt động lao động trong gia đình và vui chơi, giải trí.

Tăng cường đầu tư trang thiết bị cho các thiết chế văn hóa và bổ sung nhân sự, kinh phí cho các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao. Đặc biệt chú ý gìn giữ, phát huy và bảo vệ các hoạt động văn hóa truyền thống của địa phương./.

Tài liệu tham khảo

1. Trịnh Duy Luân - Helle Rydstrom - Wil Burghoorn (chủ biên), 2008, *Gia đình nông thôn Việt Nam trong chuyển đổi*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Trần Thị Vân Anh - Nguyễn Hữu Minh (chủ biên), 2008, *Bình đẳng giới ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Francois Houtart & Geneviève Lemercinier, 2001, *Xã hội học về một xã ở Việt Nam. Tham gia xã hội, các mô hình văn hoá, gia đình, tôn giáo ở xã Hải Vân*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Bùi Quang Dũng, 2007, *Xã hội học nông thôn*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Hà Thị Minh Khương, 2007, *Việc sử dụng thời gian rỗi của phụ nữ và nam giới*, tạp chí nghiên cứu gia đình và giới, số 1 năm 2007.
6. Lâm Thị ánh Quyên, 2006, *Xã hội học lối sống*, Lưu hành nội bộ - Trường Đại học mở - bán công TP. HCM.
7. Đinh Thị Vân Chi, 2001, *Mấy nhận xét về sự biến đổi nhu cầu giải trí của thanh niên Hà Nội hiện nay*, tạp chí Xã hội học số 2, năm 2001.
8. Phạm Huy Bích, 1983, *Nghiên cứu Xã hội học về lối sống ở Liên Xô (tổng thuật)*, Viện Xã hội học, Hà Nội.
9. Tập thể tác giả, 1984, *Tập bài dịch về vấn đề lối sống Xã hội chủ nghĩa*, Viện Xã hội học, Hà Nội.
10. UBND xã Trịnh Xá, *Báo cáo Kết quả phong trào xây dựng đời sống văn hóa xã Trịnh Xá năm 2008, phương hướng nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa năm 2009*.
11. UBND xã Trịnh Xá *Thông tin của xã Trịnh Xá phục vụ việc xây dựng cơ sở dữ liệu GIS tỉnh Hà Nam năm 2009*.